

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2011/QĐ-UBND

*Đắk Lắk, ngày 19 tháng 12 năm 2011*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định giá thóc tế dùng để  
tính thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND&UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993; Nghị định số 74/CP ngày 25 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thông tư số 89/TC/TCT, ngày 09 tháng 11 năm 1993 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 74/CP ngày 25 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh giá số 40/2002/PL-UBTVQH10 ngày 10/5/2002; Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá; Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ; Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 501/TTr-STC ngày 14 tháng 11 năm 2011,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định giá thóc tế để thu bằng tiền đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp, thuộc đối tượng phải nộp thuế sử dụng đất nông

ng nghiệp theo quy định của Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp tại các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, cụ thể như sau:

| STT | Tên huyện, thị xã, thành phố                                                    | Đơn vị tính | Mức giá |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 01  | Thành phố Buôn Ma Thuột                                                         | đ/kg        | 4.000   |
| 02  | Thị xã Buôn Hồ                                                                  | đ/kg        | 3.800   |
| 03  | Các huyện: Krông Búk, Cư M'gar, Cư Kuin, Krông Pắc, Ea H'Leo, Krông Ana, Ea Kar | đ/kg        | 3.600   |
| 04  | Các huyện: M'Đắk, Krông Bông, Krông Năng, Ea Súp, Lắk, Buôn Đôn                 | đ/kg        | 3.300   |

**Điều 2.** Giao Cục Thuế tỉnh căn cứ giá thóc đã được phê duyệt để hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố thực hiện thu thuế sử dụng đất nông nghiệp.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế cho Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá thóc tẻ dùng để tính thuế sử dụng đất nông nghiệp và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lữ Ngọc Cư**